

Bản án số: 1199/2018/HC-PT
Ngày: 26/12/2018
V/v “Khiếu kiện quyết định
hành chính trong quản lý đất đai
về thu hồi đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Kim Thoa

Các Thẩm phán: 1/ Bà Đỗ Thanh Hương

2/ Bà Huỳnh Thụy Xuân Vinh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Chê Hua

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 26 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/HCPT ngày 13 tháng 10 năm 2016 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai về thu hồi đất”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2016/HC-ST ngày 05 tháng 5 năm 2016 của Tòa án nhân dân quận huyện Cần Giờ bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5132/2018/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10156/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Minh T – Luật sư của Văn phòng Luật sư P thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trương Tiến T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C

(Văn bản ủy quyền số 5250/GUQ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn N - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1957

Địa chỉ: Phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3.2. Bà Phạm Kim P, sinh năm 1960

Địa chỉ: Phường S, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Bà Phạm Thị Kim H, sinh năm 1963

Địa chỉ: Xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Bà Phạm Thị Kim N, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Ông Phạm Quang L, sinh năm 1967

Địa chỉ: Xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.6. Ông Phạm Quang T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.7. Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Long, bà Phụng, bà Hoa, bà Ngân, ông Liêm, ông Tuyên và bà Thanh: Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền lập ngày 10/3/2009 tại Phòng Tư pháp Quận S; Giấy ủy quyền lập ngày 11/3/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C; Giấy ủy quyền lập ngày 10/3/2009 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và Hợp đồng ủy quyền lập ngày 03/3/2009 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C).

4. Người kháng cáo: Bà Phạm Thị Kim T – Người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2008, bản tự khai ngày 09/01/2009, bản tự khai ngày 15/5/2009 và Biên bản đối thoại ngày 25/3/2016, người khởi kiện là bà Phạm Thị Kim T trình bày:

Ngày 30/11/2006, gia đình bà nhận được Quyết định 1142/QĐ-UBND ngày 20/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi đất của gia đình bà để thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác huyện C, với tổng diện tích bị thu hồi 2.834 m² nhằm một phần thửa 367-1 (gồm thửa phân chiết 367-1-2-367-1-3), một phần thửa 2-367 (gồm thửa phân chiết 367-1-4) và thửa 367-1-5, 801, 802 thuộc tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối chiếu với Quyết định số 5702/QĐ-UB ngày 17/11/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh thay thế Dự án đầu tư cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác huyện C tại Quyết định số 2242/QĐ-UB ngày 28/5/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí

Minh thì phần đất của gia đình bà nằm ở đoạn 2 (lộ giới 30m) và đoạn 3 (lộ giới 120m). Tại Quyết định số 6219/QĐ-UBND ngày 10/12/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về duyệt dự án đầu tư bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư phục vụ Dự án cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác huyện C cũng thể hiện đoạn từ km 0 đến km 1500 có lộ giới và quy mô giải tỏa đều là 30m. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện C lại thu hồi toàn bộ phần đất nêu trên của gia đình bà theo lộ giới 120m, không hề được phân thành hai phần ở hai bên cột mốc km1+500 như trong dự án đã được duyệt.

Từ lý do trên, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 20/11/2006 Ủy ban nhân dân huyện C (từ đoạn: Phần đất nằm ngoài lộ giới cách tim đường 16m trở vào trong).

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C trình bày: Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 20/11/2006 thu hồi đất của hộ ông Phạm Văn T (cha của bà T) theo lộ giới 120m là do tại thời điểm thu hồi, khu đất của hộ ông T nằm ở đoạn km1+403 và nằm trong đoạn có lộ giới 120m, bắt đầu từ Lý trình km1+403 (với điểm đầu là km0+00 tại Bến phà Bình Khánh có cột mốc điểm đồng ngoài thực địa) thể hiện tại bình đồ giải tỏa của Ủy ban nhân dân huyện C. Do đó, Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 20/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C được ban hành đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà Phạm Văn L, bà Phạm Kim P, bà Phạm Thị Kim H, bà Phạm Thị Kim N, ông Phạm Quang L, ông Phạm Quang T và bà Phạm Thị Kim T có bà Phạm Thị Kim T là người đại diện hợp pháp thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của người khởi kiện là bà Phạm Thị Kim T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2016/HC-ST ngày 05 tháng 5 năm 2016, Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 29, Điều 128, Điều 129, Điều 142 Luật Tổ tụng hành chính có hiệu lực ngày 01/07/2011.

Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim T

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim T về việc hủy bỏ Quyết định thu hồi đất số 1142/QĐ-UBND ngày 20/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C.

Giữ nguyên Quyết định 1142/QĐ-UBND ngày 20/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C.

Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2009/QĐ-BPKCTT ngày 21/4/2009 của Tòa án nhân dân huyện C.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

Án phí hành chính sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) bà Phạm Thị Kim T phải nộp nhưng được khấu trừ 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 008333 ngày 22/12/2008 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Bà T phải nộp thêm 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Ngày 12 tháng 5 năm 2016, người khởi kiện là bà Phạm Thị Kim T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy Quyết định thu hồi đất số 1142/QĐ-UBND ngày 20/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C, với lý do:

- Quyết định thu hồi đất số 1142/QĐ-UBND ngày 20/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ vào Quyết định số 2808/QĐ-UB ngày 17/6/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhưng Quyết định số 2808/QĐ-UB là quyết định giao đất không phải là quyết định thu hồi đất;

- Theo Quyết định số 2242/QĐ-UB ngày 28/5/2002 được điều chỉnh tại Quyết định số 5702/QĐ-UB ngày 17/11/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì lộ giới đường Rừng Sác, Cần Giờ đoạn qua trung tâm huyện C chỉ có 30m, không phải 120m, nhưng Quyết định số 1142/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện C lại thu hồi đất của gia đình bà theo lộ giới 120m;

- Quyết định số 1142/QĐ-UBND được ban hành sau hai năm kể từ ngày Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 2808/QĐ-UB vi phạm Khoản 6 Điều 130 Nghị định 181/2004/NĐ-CP về thời hạn ban hành.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Phạm Thị Kim T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T và bà T yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 1142/QĐ-UB ngày 20/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C với lý do:

Quyết định số 2808/QĐ-UB của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành không đúng quy định tại Điều 21 Luật Đất đai 1993 vì đây là quyết định giao đất không phải quyết định thu hồi đất;

Quyết định số 2242/QĐ-UB và Quyết định số 5702/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là quyết định phê duyệt quy hoạch, nhưng hai quyết định này chỉ quy định lộ giới 30m với quy mô giải tỏa 30m, đất gia đình bà T nằm trong đoạn này;

Không có căn cứ để xác định Bình đồ cao 1/100, dài 1/1000 mà Ủy ban nhân dân huyện C cho là Bình đồ 1/1000 và cũng không có căn cứ để xác định đây là bình đồ ban hành kèm theo Quyết định 2808/QĐ-UB.

Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 25/5/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố đính chính Quyết định số 2808/QĐ-UB và Quyết định số 5702/QĐ-UB cũng không đề cập đến lộ giới đường Rừng Sác là bao nhiêu mét mà chỉ dời cột mốc từ km00 đến km400.

Diện tích đất mà gia đình bà bị thu hồi không đúng với diện tích đất thực tế gia đình bà bị thu hồi thể hiện tại hai Bản đồ trích đo do Trung tâm dịch vụ hành chính Ủy ban nhân dân huyện C lập ngày 23/7/2007 vì theo hai bản đồ này diện tích của gia đình bà T bị thu hồi là 2.293,6m² và 670,8m² (2.964,4m²), không phải là 2.834m² như Quyết định số 1142/QĐ-UB đã ghi.

Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1142/QĐ-UB sau 2 năm kể từ khi Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định 2808/QĐ-UB là vi phạm Điều 16 Nghị định 181/2004/NĐ-CP.

- Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C có ông Trương Tiến T – Phó

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là người đại diện hợp pháp vắng mặt có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện C là ông Nguyễn Văn N trình bày ý kiến như sau:

Ủy ban nhân dân huyện C khẳng định Quyết định số 2808/QĐ-UB ngày 17/6/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là quyết định thu hồi đất.

Quyết định số 5702/QĐ-UB có ghi lộ giới là 30m nhưng đây không phải là quyết định chỉ ra ranh thu hồi đất mà quyết định chỉ ra ranh thu hồi đất là Quyết định số 2808/QĐ-UB. Tuy quyết định này có sai sót là chỉ ghi bình đồ nút giao 1/500 mà không ghi bình đồ tuyến 1/1000, nhưng quyết định này đã được đính chính tại Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 25/5/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trước khi Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 2808/QĐ-UB, Ủy ban nhân dân huyện C đã có Thông báo số 116/TB.UB ngày 06/11/2003 xác định đoạn từ km1+350 đến km11+104m (đoạn có đất nhà bà T) bị thu hồi với lộ giới 120m.

Ủy ban nhân dân huyện C ra quyết định thu hồi đất chậm vì có nhiều lý do, nhưng không vì thế mà Ủy ban nhân dân huyện C không được ra quyết định thu hồi đất vĩnh viễn.

Do đó, Ủy ban nhân dân huyện C vẫn giữ nguyên Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 20/11/2006, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà Phạm Văn L, bà Phạm Kim P, bà Phạm Thị Kim H, bà Phạm Thị Kim N, ông Phạm Quang L, ông Phạm Quang T và bà Phạm Thị Kim T vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp bà Phạm Thị Kim T có mặt thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của người khởi kiện là bà Phạm Thị Kim T và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

+ Về việc chấp hành pháp luật trong giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định pháp luật trong quá trình thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa. Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 55, Điều 56 và Điều 57 Luật Tố tụng hành chính. Thủ tục ủy quyền, đề nghị xét xử vắng mặt đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

+ Về kháng cáo của bà Phạm Thị Kim T:

Về hình thức: Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 20/11/2006 thu hồi đất của ông Phạm Văn T là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật đất đai 2003.

Về nội dung: Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 17/6/2004 của Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi của ông Phạm Văn T phần đất có diện tích 2.834m² nhằm một phần thửa 367-1 (gồm thửa phân chiết 367-1-2, 367-1-3), một phần thửa 2-367 (gồm thửa phân chiết 367-1-4) và thửa 367-1-5, 801, 802, thuộc tờ bản đồ 08 tọa lạc xã B trên cơ sở Quyết định số 2808/QĐ-UB ngày 17/6/2004

của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định số 2808/QĐ-UB, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định thu hồi phần đất có diện tích 1.625.189,6m² đất tại xã Long Hòa, An Thới Đông và B, huyện C và giao 1.926.282,6m² đất, trong đó gồm: 1.625.189,6m² đất thu hồi trên và 301.093m² là đường hiện hữu cho Ban quản lý dự án khu vực đầu tư và xây dựng huyện C sử dụng để đầu tư, cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác huyện C có vị trí và ranh giới theo Bình đồ tỷ lệ 1/500 do Sở Giao thông công chánh phê duyệt ngày 19/9/2003.

Do chưa có sự thống nhất về lộ giới thu hồi đất của tuyến đường Rừng Sác nên Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh có Văn bản số 6528/TNMT-QSHSDD ngày 03/9/2009 gửi Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố xác định điều chỉnh rõ nội dung lộ giới theo Quyết định số 5702/QĐ-UB ngày 17/11/2004 cho phù hợp với Quyết định thu hồi, giao đất số 2808/QĐ-UB ngày 17/6/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 26/5/2011, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã điều chỉnh Quyết định số 2808/QĐ-UB ngày 17/6/2004 và Quyết định số 5702/QĐ-UB ngày 17/11/2004. Theo đó, vị trí ranh giới khu đất bị thu hồi tại Quyết định số 2808/QĐ-UB được xác định theo Bình đồ ranh giải tỏa tỷ lệ 1/500 đối với nút giao, tỷ lệ 1/1000 đối với phần tuyến, các bình đồ này đã được Sở Giao thông công chánh Thành phố Hồ Chí Minh thông qua ngày 19/9/2003.

Căn cứ vào Bình đồ ranh giải tỏa tỷ lệ 1/1000 đã được Sở Giao thông công chánh thông qua ngày 19/9/2003 thì phần nhà, đất của ông Phạm Văn T bị thu hồi nằm hoàn toàn trong ranh giải tỏa có lộ giới 120m. Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 20/11/2006 thu hồi đất của gia đình ông T theo lộ giới 120m là có cơ sở. Kháng cáo của bà T yêu cầu hủy quyết định nêu trên của Ủy ban nhân dân huyện C là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, do Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót trong việc tính án phí hành chính sơ thẩm mà bà T phải chịu không đúng quy định tại Điều 27 Nghị định 70-CP ngày 12/6/1997 của Chính Phủ về án phí lệ phí Tòa án nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà T và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2016/HC-ST ngày 05/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện C đối với phần quyết định bác đơn khởi kiện của bà T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 20/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C, nhưng sửa bản án sơ thẩm nêu trên đối với phần án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C có ông Trương Tiến T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là người đại diện hợp pháp vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ quy

định tại Khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt người bị kiện.

[2] Quyết định 1142/QĐ-UBND ngày 20/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C là quyết định hành chính trong quản lý đất đai về thu hồi đất được áp dụng đối với ông Phạm Văn T. Sau khi ông T chết, bà Phạm Thị Kim T là con của ông T đã thực hiện quyền khiếu nại lần 1. Khiếu nại đã được giải quyết tại Quyết định số 1339/QĐ-UBND ngày 21/11/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên, ngày 22/12/2008 bà T có đơn khởi kiện đối với Quyết định 1142/QĐ-UBND tại Tòa án nhân dân huyện C. Căn cứ quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 2, Khoản 17 Điều 11, điểm a Khoản 1 Điều 12, điểm c Khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính được sửa đổi, bổ sung năm 2006, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm vào ngày 22/12/2008, xác định quyết định hành chính nêu trên là quyết định hành chính bị kiện và đơn khởi kiện của bà T là còn thời hiệu là đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại Điều 1 Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 17/6/2004 về giao đất cho Ban dự án khu vực đầu tư và xây dựng huyện C để đầu tư, cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác huyện C, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau: *“Nay thu hồi 1.625.189,6m² đất tại xã Long Hòa, An Thới Đông và xã B, huyện C và giao 1.926.282,6m² đất, trong đó gồm: 1.625.189,6m² đất thu hồi trên và 301.093m² là đường hiện hữu cho Ban quản lý dự án khu vực đầu tư và xây dựng huyện C sử dụng để đầu tư, cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác huyện C”*. Như vậy, Quyết định số 2808/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung thu hồi đất và việc thu hồi này là để giao cho Ban quản lý dự án khu vực đầu tư và xây dựng huyện C sử dụng để đầu tư, cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác, huyện C. Do đó, kháng cáo của bà T và ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T cho rằng Quyết định thu hồi đất số 1142/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ vào Quyết định số 2808/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhưng Quyết định 2808/QĐ-UBND là quyết định giao đất không phải là quyết định thu hồi đất là không có cơ sở.

[4] Cũng tại Điều 1 của Quyết định số 2808/QĐ-UBND thì: *“Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo bình đồ ranh giải tỏa tỷ lệ 1/500 được Sở Giao thông Công chánh thông qua ngày 19 tháng 9 năm 2003”*.

[5] Qua kiểm tra nhận thấy Bình đồ tỉ lệ 1/500 được Sở giao thông Công Chánh thông qua ngày 19/9/2003 là bình đồ ranh giải tỏa đối với nút giao, không phải là bình đồ ranh giải tỏa đối với tuyến. Còn Bình đồ ranh giải tỏa đối với tuyến là Bình đồ tỷ lệ 1/1000 cũng là bình đồ được Sở giao thông công chánh thông qua ngày 19/9/2003.

[6] Tại Văn bản số 385/SGTVT-GT ngày 05/3/2009 của Sở Giao thông

vận tải Thành phố Hồ Chí Minh thì bà T đã được Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp bình đồ ranh giải phóng mặt bằng Dự án nâng cấp, mở rộng đường Rừng Sác được thông qua ngày 19/9/2003 (đoạn tại vị trí đất bà T đang khiếu kiện).

[7] Tại Văn bản số 538/SGTVT-GT ngày 31/3/2009 về việc xác định độ dài bình đồ tuyến liên quan đến công tác bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Rừng Sác, huyện C, Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cho biết:

“1/ Căn cứ theo Bình đồ ranh giải tỏa tỷ lệ 1/500 và 1/1000 do Chủ đầu tư (phối hợp với đơn vị tư vấn) lập và được Sở Giao thông công chánh (nay là Sở Giao thông vận tải) thông qua ngày 19/9/2003, Chủ đầu tư có trách nhiệm triển khai bình đồ ranh giải tỏa đã được thông qua trên thực địa. Do đó, Chủ đầu tư có đủ cơ sở, thẩm quyền xác định chiều dài đoạn tuyến ngoài thực địa (đoạn từ đầu tuyến đến đoạn bắt đầu mở rộng lộ giới 120m).

2/ Giá trị pháp lý của bình đồ ranh giải tỏa được Sở Giao thông công chánh (nay là Sở Giao thông vận tải) thông qua ngày 19/9/2003: Bình đồ ranh là một phần kèm theo Quyết định 2808/QĐ-UB ngày 17/6/2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao đất cho Ban quản lý dự án khu vực đầu tư xây dựng huyện C để xác định ranh giới, vị trí giải phóng mặt bằng phục vụ công tác triển khai Dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Rừng Sác, huyện C”.

[8] Căn cứ vào sự thừa nhận của các bên đương sự thì phần đất mà gia đình bà T bị thu hồi nằm trên tuyến đường Rừng Sác từ vị trí km1+483.

[9] Căn cứ Bình đồ ranh giải tỏa đối với tuyến đường Rừng Sác, huyện C tỷ lệ 1/1000 do Sở Giao thông công chánh Thành phố Hồ Chí Minh thông qua ngày 19/9/2003, tại đoạn đi qua phần đất của hộ ông T, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C áp ranh thì phần đất của hộ ông T có diện tích 2.834m² nhằm một phần thửa 367-1 (gồm thửa phân chiết 367-1-2, 367-1-3), một phần thửa 2-367 (gồm thửa phân chiết 367-1-4) và thửa 367-1-5, 801, 802 thuộc tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại xã B, huyện C, bắt đầu từ km1+483 nằm trong đoạn bắt đầu từ lý trình km1+403 (với điểm đầu là Km0+00 tại bến phà Bình Khánh có cột mốc điểm đồng ngoài thực địa), có lộ giới là 120m.

[10] Việc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2808/QĐ-UB chỉ căn cứ vào Bình đồ nút giao tỷ lệ 1/500 là có sơ sót và sơ sót này đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh tại Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 25/5/2011 như sau:

“Điều 1: Chấp thuận điều chỉnh một phần nội dung tại Điều 1 Quyết định số 2808/QĐ-UB ngày 17 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao đất cho Ban quản lý dự án khu vực đầu tư và xây dựng huyện C để đầu tư cải tạo, mở rộng, nâng cấp đường Rừng Sác, huyện C thuộc xã Long Hòa, An Thới Đông và B, huyện C và Điều 1 Quyết định số 5702/QĐ-UB ngày 17 tháng 11 năm 2004 về điều chỉnh thay thế dự án đầu tư cải tạo, mở rộng, nâng cấp

đường Rừng Sác, huyện C.

1.1. Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 2808/QĐ-UB ngày 17 tháng 6 năm 2004 như sau: Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Bình đồ ranh giải tỏa tỷ lệ 1/500 đối với nút giao, tỷ lệ 1/1000 đối với phần tuyến, được Sở Giao thông công chánh thông qua ngày 19 tháng 9 năm 2003

1.2. Điều chỉnh điểm 7 Điều 1 Quyết định số 5702/QĐ-UB ngày 17 tháng 11 năm 2004 như sau: “Đoạn 2: Đoạn nằm ngoài trung tâm xã B đến ngã tư Nhơn Trạch (theo quy hoạch): Km 0+300 đến Km 1+400, dài 1100m”.

[11] Như vậy, vị trí, ranh giới thu hồi đất để thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Rừng Sác, huyện C được xác định theo Quyết định số 2808/QĐ-UB được điều chỉnh tại Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 25/5/2011 nên việc Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ Quyết định số 2808/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định 1142/QĐ-UBND thu hồi phần đất của hộ ông T có diện tích 2.834m² nhằm một phần thửa 367-1 (gồm thửa phân chiết 367-1-2, 367-1-3), một phần thửa 2-367 (gồm thửa phân chiết 367-1-4) và thửa 367-1-5, 801, 802 thuộc tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại xã B, huyện C, để thực hiện dự án cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác, huyện C là đúng quy định tại khoản 6 Điều 130 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và khoản 11 Điều 2 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2005 của Chính phủ (sau khi có quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc Tỉnh có trách nhiệm quyết định thu hồi đất cụ thể đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng) và đúng với vị trí, diện tích mà hộ ông T bị thu hồi.

[12] Kháng cáo của bà T cho rằng lộ giới đường Rừng Sác, Cần Giờ đoạn qua trung tâm huyện C chỉ có 30m, không phải 120m và Quyết định thu hồi đất số 1142/QĐ-UBND ngày 20/11/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C được ban hành sau hai năm kể từ ngày Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định 2808/QĐ-UB là vi phạm Khoản 6 Điều 130 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thời hạn ban hành là không có cơ sở để chấp nhận.

[13] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T cho rằng diện tích đất mà gia đình bà bị thu hồi không đúng với diện tích thực tế mà gia đình bà bị thu hồi thể hiện tại hai Bản đồ trích đo do Trung tâm dịch vụ hành chính Ủy ban nhân dân huyện C lập ngày 23/7/2007. Tuy nhiên qua kiểm tra, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, bà T thừa nhận phần đất gia đình bà bị thu hồi gồm các thửa 367-1-2, 367-1-3, 367-1-5, 367-1-4, 802, 801. Theo Bản đồ trích đo lập ngày 27/7/2005 thì diện tích các thửa nêu trên là 2.834m² đúng với diện tích mà Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi tại Quyết định số 1142/QĐ-UBND. Còn Bản đồ trích đo ngày 23/7/2007 thì gồm các thửa 367-1-k, 367-2-d, 367-1-g, 367-1-h, 367-1-f, 367-2-c, 801-a, 802 được lập sau khi có quyết định thu hồi. Do đó, không có cơ sở để xác định diện tích đất của gia đình bà T bị thu hồi là 2.293,6m² và 670,8m² (2.964,4m²) như ý kiến của bà T tại phiên tòa phúc thẩm.

[14] Tòa án nhân dân huyện C quyết định bác đơn khởi kiện của bà T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 20/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C là có căn cứ, nhưng tiếp theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm lại quyết định giữ nguyên Quyết định thu hồi đất số 1142/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện C là không đúng quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 163 Luật tổ tụng hành chính năm 2010. Đồng thời, vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vào ngày 22/12/2008 nên theo quy định tại Điều 27 và Khoản 1 Điều 30 Nghị định số 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ về án phí, lệ phí Tòa án thì án phí hành chính sơ thẩm mà bà T phải nộp là 50.000 đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án (có hiệu lực từ ngày 01/7/2009), để tính án phí mà bà T phải chịu 200.000 đồng là không đúng hướng dẫn tại Công văn số 98/TANDTC-KHXX ngày 30/6/2009 của Tòa án nhân dân tối cao về việc triển khai thi hành Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại phần này của bản án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại các phần nêu trên của bản án sơ thẩm.

[15] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà T về việc yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 1142/QĐ-UBND ngày 20/11/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C, nhưng đề nghị sửa lại phần quyết định án phí của bản án sơ thẩm.

[16] Do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bà T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 29, Điều 128, Điều 129, Điều 142, điểm a Khoản 1 Điều 163 Luật Tổ tụng hành chính có hiệu lực ngày 01/07/2011;

Căn cứ Khoản 4 Điều 225, điểm a Khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính có hiệu lực ngày 01/07/2015;

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 2, Khoản 17 Điều 11, điểm a Khoản 1 Điều 12, điểm c Khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính, được sửa đổi, bổ sung năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị định số 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ về án phí, lệ phí Tòa án;

I. Sửa một phần bản án sơ thẩm:

1. Bác kháng cáo của bà Phạm Thị Kim T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về việc bác đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Kim T về việc yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 1142/QĐ-UBND ngày 20/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C.

2. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số

01/2009/QĐ-BPKCTT ngày 21/4/2009 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ.

3. Án phí hành chính sơ thẩm: 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng) bà Phạm Thị Kim T phải nộp, được trừ vào số tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng) mà bà T đã nộp theo Biên lai số 008333 ngày 22/12/2008 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Bà T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

II. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà T không phải nộp. Hoàn lại cho bà T 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm mà bà T đã nộp theo Biên lai thu số AC/2010/04981 ngày 19/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- TAND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS huyện Cần Giờ;
- TAND huyện Cần Giờ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

Vũ Kim Thoa